

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Võ Trí	Thành	3671030052	10/10/1994		7,00	7,00	
2	Bùi Tá Tân	Hoàng	3671030904	16/10/1994		8,30	8,30	
3	Hồ Ngọc	Long	3671030906	22/02/1991		7,00	7,00	
4	Trần Quang	Huy	3671030909	20/08/1994		,00	,00	Nợ HP
5	Võ Ngọc	Linh	3671030913	17/01/1994		7,80	7,80	
6	Nguyễn Văn	Trọng	3671030921	03/05/1994		6,80	6,80	
7	Trần Văn	Phúc	3671030924	28/06/1994		6,80	6,80	
8	Huỳnh Ngọc	Tâm	3671030927	04/09/1994		8,30	8,30	
9	Đinh Văn	Đức	3671030928	05/05/1992		8,30	8,30	
10	Lê Minh	Mẫn	3671030937	20/12/1994		7,30	7,30	
11	Nguyễn Nhật Như	Khuê	3671030940	30/01/1994		6,80	6,80	
12	Hồ Như	Ý	3671030947	12/10/1993		6,80	6,80	
13	Nguyễn Ngọc	Phước	3671030951	16/03/1994		6,80	6,80	
14	Lê Anh	Tuấn	3671030955	09/06/1994		8,30	8,30	
15	Lê Văn	Thừa	3671030968	20/01/1994		,00	,00	Nợ HP
16	Võ Dũng	Tuấn	3671030970	07/08/1994		6,80	6,80	
17	Trần Văn	Thông	3671030973	13/08/1994		7,50	7,50	
18	Nguyễn Duy	Linh	3671030976	06/06/1993		7,00	7,00	
19	Nguyễn Minh	Luân	3671030978	03/07/1994		5,00	5,00	
20	Phạm Văn	Nam	3671030980	01/04/1992		7,30	7,30	
21	Nguyễn Tấn	Long	3671030982	12/04/1993		5,00	5,00	
22	Nguyễn Văn	Diệp	3671030984	20/07/1994		8,00	8,00	
23	Trần Văn	Tứ	3671030986	04/10/1992		6,00	6,00	
24	Ngô Văn	Hiếu	3671030991	24/10/1994		8,30	8,30	
25	Tiêu Trung	Hiếu	3671031012	21/03/1994		6,80	6,80	
26	Bùi Sĩ	Đạt	3671031015	18/09/1994		6,50	6,50	
27	Võ Quốc	Huy	3671031016	16/09/1994		8,00	8,00	
28	Nguyễn Vinh	Chánh	3671031017	24/11/1987		7,50	7,50	
29	Thái Phi	Long	3671031020	27/06/1993		6,80	6,80	
30	Tạ Ủi	Tăng	3671031023	20/02/1993		,00	,00	Nợ HP
31	Tài Trọng	Khang	3671031025	27/03/1994		7,30	7,30	
32	Võ Việt	Tuyển	3671031029	10/02/1994		6,80	6,80	
33	Nguyễn Trường	Dư	3671031032	23/11/1994		8,00	8,00	
34	Thiều Văn	Hưng	3671031037	19/08/1991		8,30	8,30	Nợ HP
35	Nguyễn Văn	Dung	3671031038	28/08/1993		6,50	6,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Anh	Kiệt	3671031041	10/02/1994		6,80	6,80	Nợ HP
37	Mai Huỳnh Hữu	Trí	3671031046	06/12/1993		8,30	8,30	
38	Đình Tuấn	Linh	3671031050	18/08/1994		6,00	6,00	
39	Nguyễn Ngọc	Tuấn	3671031052	01/11/1994		7,30	7,30	
40	Nguyễn Quốc	Bình	3671031054	01/12/1994		7,50	7,50	
41	Huỳnh Tấn	Thi	3671031055	10/10/1994		6,80	6,80	
42	Hoàng Minh	Phong	3671031058	04/12/1994		7,30	7,30	
43	Nguyễn Ngọc	Tấn	3671031064	05/01/1994		7,30	7,30	Nợ HP
44	Lê Ngọc	Huy	3671031076	28/09/1994		7,00	7,00	
45	Nguyễn Quốc	Thịnh	3671031083	03/03/1994		,00	,00	Nợ HP
46	Phạm Văn	Khởi	3671031479	18/01/1994		7,30	7,30	Nợ HP
47	Nguyễn Ngọc	Bảo	3671031597	10/03/1993		6,30	6,30	
48	Nguyễn Hải Đăng	Khoa	3671031858	28/05/1994		7,00	7,00	
49	Nguyễn Quốc	Nguyên	3671031955	06/02/1992		6,80	6,80	
50	Nguyễn Ngọc	Linh	3671032019	24/10/1993		7,50	7,50	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)